

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-PT

Ngày: 11/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Quách Thị Phương Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Đinh Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2053/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/7/1972 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú: Số A A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp khi phạm tội: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (đã chết) và bà Vũ Thị B; có vợ là Phạm Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; (Đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của ông C1:

1.1. Anh Nguyễn Hữu C2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

1.3. Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Đ, thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3. Bà Vũ Thị B1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1938; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; (Đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bà C3:

1.1. Anh Nguyễn Hữu C2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

1.3. Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

4. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xã N, huyện P, thành phố Hà Nội;

5. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1930; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện hợp pháp của bà Đ1: Bà Trần Thị L1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Đ, thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

6. Ông Trần Quang V1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

7. Bà Trần Thị G, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

8. Bà Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

9. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng;

10. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách;

Địa chỉ: Đường H, khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

** Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Đình D;

2. Bà Trần Thị V2;

3. Anh Nguyễn Hoàng P;

4. Ông Phạm Ngọc K;

5. Bà Nguyễn Thị N.

(Tại phiên tòa vắng mặt, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2018, Nguyễn Thanh T là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương được phân công tổ chức thi hành án 03 vụ việc. T đã thu 134.629.400đ của người phải thi hành án nhưng không viết biên lai thu tiền chuyển cho kế toán lập phiếu thu hạch toán và nhập quỹ thi hành án để chi trả cho người được thi hành án theo quy định của pháp luật mà chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2014/DS-ST ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Bản án dân sự phúc thẩm số 22/2014/DS-PT ngày 11/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, tuyên ba mẹ con bà Lê Thị L2, anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị Lan A ở thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương có nghĩa vụ giao trả đất cho ông Nguyễn Hữu C1 và bà Nguyễn Thị C3 ở thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ông C1, bà C3 có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản trên đất cho ba mẹ con bà L2 số tiền 44.852.000đ.

Ngày 27/12/2014, ông Nguyễn Hữu C1 đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nộp đơn yêu cầu thi hành và nộp số tiền 44.852.000đ theo bản án đã tuyên cho Chấp hành viên Nguyễn Thanh T. Sau khi nhận đơn và thu tiền của ông Nguyễn Hữu C1, Nguyễn Thanh T không viết biên lai thu tiền thi hành án mà viết và ký tên vào tờ đơn yêu cầu thi hành án ngày 27/12/2014 của ông Nguyễn Hữu C1 có nội dung "Tiếp nhận yêu cầu tự nguyện nộp tiền của ông Nguyễn Hữu C1 trả bà L2 44.852.000đ" rồi đưa cho ông C1. Việc nhận số tiền 44.852.000đ của ông C1 không được Trọng thể hiện trong hồ sơ thi hành án.

Ngày 09/01/2015, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ra quyết định thi hành án số 190/QĐ-CCTHADS theo đơn đề nghị thi hành án ngày 27/12/2014 của ông Nguyễn Hữu C1, bà Nguyễn Thị C3 và phân công Nguyễn Thanh T tổ chức thi hành. Ngày 17/3/2015, Nguyễn Thanh T làm việc với bà Lê Thị L2 giải quyết việc thi hành án, bà L2 đề nghị không nhận số tiền 44.852.000đ được thi hành án từ ông C1, bà C3 và đề nghị Cơ quan thi hành án không thi hành khoản tiền này nhưng T không báo cáo Lãnh đạo đơn vị để xử lý số tiền 44.852.000đ đã thu của ông C1.

Ngày 20/11/2017, Nguyễn Thanh T xác minh việc ông Nguyễn Hữu C1, bà Nguyễn Thị C3 đã chết (ông C1 chết tháng 03/2016, bà C3 đã chết vào tháng 5/2017) và ngày 05/3/2018 lập biên bản với anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị Lan A về nội dung anh Đ và chị Lan A đề nghị đình chỉ thi hành án. Trên cơ sở kết quả xác minh, ngày 14/3/2018, Nguyễn Thanh T báo cáo đề xuất Lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án Quyết định thi hành án số 190/QĐ-CCTHADS ngày 09/01/2015, báo cáo có nội dung T chưa thu tiền thi hành án của ông C1 và bà C3.

Thông qua công tác kiểm sát thi hành án dân sự, ngày 07/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã ban hành Công văn số

01/YC-VKS yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục T6 hành án dân sự huyện N tự kiểm tra việc tổ chức thi hành án đối với Quyết định thi hành án số 190/QĐ-CCTHADS ngày 09/01/2015. Chi cục Thi hành án dân sự thành lập Tổ kiểm tra xác minh các vụ việc do Chấp hành viên Nguyễn Thanh T đã nhận của ông Nguyễn Hữu C1 số tiền 44.852.000đ. Ngoài vi phạm trong việc tổ chức thi hành án theo Quyết định thi hành án số 190/QĐ-CCTHADS ngày 09/01/2015, Tổ kiểm tra đã tiến hành xác minh và phát hiện Nguyễn Thanh T còn thu tiền của 02 vụ việc khác không viết biên lai thu tiền và nhập vào quỹ thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách như sau:

Vụ thứ hai: Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2015/DSST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách và Bản án dân sự phúc thẩm số 15/2016/DSPT ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tuyên bà Nguyễn Thị Đ1 ở thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương có nghĩa vụ phải trả số tiền 40.524.000đ cho ông Trần Quang T3 và bà Nguyễn Thị C4 ở thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; ông T3, bà C4 phải cho bà Đ1 thừa đất số 35, tờ bản đồ số 6, diện tích 352m².

Tháng 6/2016, bà Trần Thị L1 là người được bà Nguyễn Thị Đ1 ủy quyền đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách nộp đơn yêu cầu thi hành án kèm theo Bản án dân sự phúc thẩm số 15/2016/DSPT ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương cho Chấp hành viên Nguyễn Thanh T nhưng T không vào sổ thụ lý đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 21/9/2016, Nguyễn Thanh T gọi điện thoại cho bà Trần Thị L1 yêu cầu bà L1 đem tiền phải thi hành án đến Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương nộp cho T, bà L1 đã nộp cho T số tiền 40.524.000đ trước sự chứng kiến của bà Trần Thị V2 là chị ruột bà L1 và ông Phạm Đình D, cán bộ Tư pháp xã A. Sau khi nhận 40.524.000đ của bà L1, Nguyễn Thanh T viết vào đơn yêu cầu của bà Trần Thị L1 có nội dung "Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách xác nhận bà Trần Thị L1 có đơn yêu cầu về việc tự nguyện trả cho ông Trần Quang T3 và bà Nguyễn Thị C4 số tiền 40.524.000 đồng" và ký tên Nguyễn Thanh T. Việc nhận tiền của bà L1, Nguyễn Thanh T không viết biên lai thu tiền thi hành án theo quy định và nhập vào quỹ thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách để chi trả cho ông C4 và bà T3. Trong hồ sơ thi hành án không thể hiện việc T đã nhận đơn yêu cầu thi hành án ngày 21/9/2016 và thu 40.524.000đ của bà L1.

Ngày 06/01/2017, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm số 05/KNGĐT-VC1-DS đối với Bản án phúc thẩm số 15/2016/DSPT ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Ngày 17/01/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ban hành Thông báo số 33/TB-THADS về việc tạm đình chỉ thi hành án. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 101/2017/DS-GĐT ngày 05/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Sau khi có kết quả xét xử giám đốc thẩm đối với vụ án dân sự, ngày 02/4/2018, bà Trần Thị L1 đến gặp Lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách báo cáo việc đã nộp 40.524.000đ cho Nguyễn Thanh T và yêu cầu tiếp tục đề nghị thi hành bản án trên. Bà Trần Thị L1 cung cấp cho Chi cục

THADS huyện N đơn yêu cầu thi hành án có chữ ký và chữ viết của Trọng thể hiện T đã thu tiền của bà L1 như trên.

Vụ thứ ba: Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tuyên bà Vũ Thị B1, trú tại thôn Q, xã A, huyện N phải trả lại cho hộ gia đình bà Trần Thị T4, ở số nhà H, Tổ A, Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (bà T4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị G1, trú tại thôn T, xã N, huyện N tham gia giải quyết từ khi xét xử đến thi hành án) diện tích 508,4m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại khu Đ, thôn Q, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Buộc bà Vũ Thị B1 phải thanh toán trả bà Trần Thị T4 49.253.400đ bồi thường, hỗ trợ do thu hồi diện tích 333,6m² đất của bà Trần Thị T4 mà bà B1 đã nhận và đang quản lý.

Ngày 02/8/2017, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương đã ra quyết định thi hành án số 165/QĐ-CTHADS đối với các khoản thi hành án nêu trên và ủy thác đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách tổ chức thi hành án. Ngày 10/10/2017, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 60/CCTHA đối với bản án trên và phân công Chấp hành viên Nguyễn Thanh T tổ chức thi hành.

Ngày 05/01/2018, Nguyễn Thanh T đến nhà bà Vũ Thị B1 thu tiền thi hành án, bà B1 nộp cho T số tiền 10.000.000đ. T viết vào Giấy triệu tập đề ngày 05/01/2018, có nội dung bà B1 cam kết đến ngày 12/01/2018, Nguyễn Thanh T tiếp tục đến nhà bà B1 thu số tiền 39.253.400đ. Sau đó, T đưa cho bà B1 01 tờ Giấy xác nhận kết quả thi hành án có nội dung *"bà B1 đã tự nguyện thỏa thuận và trả cho bà Trần Thị T4 số tiền 49.253.400đ"*. Hai lần thu tiền của bà B1, Nguyễn Thanh T đều không viết biên lai thu tiền và nhập vào quỹ thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách để trả cho bà Nguyễn Thị G1 và không được thể hiện trong hồ sơ thi hành án.

Sau khi Tổ kiểm tra xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách kiểm tra đối với những vụ việc Nguyễn Thanh T được phân công tổ chức thi hành án, phát hiện T đã thu tổng số 134.629.400đ của 03 vụ việc nêu trên. Lãnh đạo đơn vị đã yêu cầu Nguyễn Thanh T báo cáo giải trình và khắc phục nộp số tiền này vào quỹ thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách để chi trả cho người được thi hành án. Nguyễn Thanh T đã vay của chị gái là bà Nguyễn Thị Thanh Q số tiền 140.000.000đ, tự viết biên lai thu tiền và nhập 134.629.400đ vào quỹ thi hành án ngày 13/4/2018. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách đã chi trả cho người được thi hành án. Ngày 16/4/2018, Nguyễn Thanh T viết đơn xin thôi việc, không viết báo cáo giải trình vi phạm và tự ý bỏ việc khi chưa được sự đồng ý của Lãnh đạo đơn vị.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã thu giữ vật chứng gồm: 01 giấy triệu tập của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách không ghi số, đề ngày 05/01/2018; 01 Giấy xác nhận kết quả thi hành án đề ngày 12/01/2018; 01 Đơn yêu cầu thi hành án ngày 21/9/2016; 01 đơn yêu cầu thi hành án ngày 27/12/2014 và 03 Biên lai thu tiền số AA/2011/07803, số AA/2011/007804, số AA/2011/007805 cùng ngày 13/4/2018 để trưng cầu giám định. Kết quả giám định đã xác định chữ ký và chữ

viết trên các tài liệu này là của Nguyễn Thanh T; chữ ký, chữ viết tên dưới mục "người nộp tiền" trong Biên lai thu tiền không phải là chữ ký, chữ viết của bà Vũ Thị B1, không xác định được chữ ký và chữ viết trên Biên lai thu tiền có phải là chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị L3 hay không. Dấu được đóng trong Giấy xác nhận kết quả thi hành án là của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Thanh T trốn khỏi địa phương. Ngày 13/8/2018, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã Quyết định truy nã bị can số 02/VKSTC-C1(P7). Ngày 02/01/2024, Nguyễn Thanh T đầu thú và thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 49.253.400đ của bà Vũ Thị B1 để chi tiêu cá nhân nhưng không thừa nhận chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Hữu C1 số tiền 44.852.000đ và bà Trần Thị L1 số tiền 40.524.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã căn cứ điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 355, điểm b, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Trọng phạm T5 “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 02/01/2024; Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ cán bộ Thi hành án dân sự trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù; Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2024, bị cáo T kháng cáo vì bản án sơ thẩm xét xử chưa đúng người, đúng tội, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh T khai bị cáo thu tiền của những người phải thi hành án trong 3 vụ tổng là 134.629.400đ nhưng không viết biên lai, không nhập quỹ ngay số tiền tại thời điểm họ nộp mà để hai bên thỏa thuận thi hành án. Khi hai bên không thỏa thuận được thì bị cáo mới viết biên lai thu tiền, nhập quỹ Chi cục thi hành án huyện Nam Sách để trả cho những người được thi hành án. Bị cáo nhận thức bị cáo có sai về quy trình thi hành án nhưng bị cáo không có mục đích, động cơ chiếm đoạt số tiền trên nên tại cấp sơ thẩm bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội. Tại cấp phúc thẩm, sau khi nghe Hội đồng xét xử (HĐXX) phân tích, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình như tại bản án sơ thẩm đã xử là đúng. Bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đã nhờ con trai nộp án phí sơ thẩm thay. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo

T thấy rằng: Bị cáo là T là chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn C5, bà Trần Thị L1 và bà Vũ Thị B1, tổng số tiền chiếm đoạt là 134.629.400đ. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội danh và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định đúng tính chất, mức độ và xét xử bị cáo mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp án phí thẩm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T; sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo T; xử phạt bị cáo T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo không nhận tội do nhận thức bị cáo có thực hiện sai về quy trình thi hành án nhưng bị cáo không có mục đích, động cơ chiếm đoạt số tiền trên nên tại cấp sơ thẩm bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội. Tại cấp phúc thẩm, sau khi nghe Hội đồng xét xử (HĐXX) phân tích, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xác định tội danh điều khoản tại bản án sơ thẩm đã xử là đúng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với kết quả điều tra về việc kiểm tra xác minh hồ sơ thi hành án dân sự 03 vụ việc trên, lời khai của những người có liên quan, lời khai của bị hại, người làm chứng và kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thanh T là chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình được phân công tổ chức thi hành án dân sự từ tháng 12/2014 đến năm 2018, Nguyễn Thanh T đã thu của ông Nguyễn Hữu C1, bà Trần Thị L1 và bà Vũ Thị B1 là người phải thi hành án trong 03 vụ việc với tổng số tiền 134.629.400đ (trong đó, thu của ông Nguyễn Hữu C1 số tiền 44.852.000đ; thu của bà Trần Thị L1 số tiền 40.524.000 đồng; thu của bà Vũ Thị B1 số tiền 49.253.400 đồng) nhưng không viết biên lai thu tiền và nhập vào quỹ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương để chi trả cho người được thi hành án theo quy định pháp luật. Trong hồ sơ thi hành án bị cáo được phân công giải quyết cũng không thể hiện việc bị cáo đã thu tiền của các bị hại. Bị cáo cũng không báo cáo với lãnh đạo cơ quan về việc đã thu tiền và sử dụng số tiền thu được vào mục đích cá nhân. Như vậy giai đoạn này hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, chứng minh mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên trên. Khi Lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách phát hiện và yêu cầu khắc phục thì bị cáo mới vay mượn tiền để nộp vào quỹ và tự viết

các biên lai, phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thanh Q (BL322 -323) là chị gái bị cáo về việc cho bị cáo mượn tiền để khắc phục hậu quả.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xác định tội danh điều khoản tại bản án sơ thẩm đã xử là đúng. Do vậy kháng cáo của bị cáo về việc xử không đúng người, đúng tội là không có căn cứ.

[3] Về phần hình phạt:

Cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo T đã nộp số tiền 134.629.400đ vào tài khoản thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách để khắc phục hậu quả, chi trả cho những người được thi hành án; Bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác: năm 2002, được Bộ Tư pháp chứng nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở; ngày 21/8/2012, được Bộ tư pháp tặng thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"; các năm 2002, 2003, 2004, 2005 đều được Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên tặng giấy khen. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn C là thương binh Hạng A, ngày 26/12/1989 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; mẹ đẻ là bà Vũ Thị B ngày 09/8/1997 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba bệnh binh loại A, thương tật 4/4; Sau khi bị truy nã, bị cáo đã ra đầu thú. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp án phí thẩm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường xong, các hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lạm dụng chức vụ, quyền hạn của cán bộ thi hành án dân sự để chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ cán bộ thi hành án dân sự trong một thời gian mới đảm bảo sự an toàn cho hoạt động thi hành án dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ vào điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 355, điểm b, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Trọng phạm T5 “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/01/2024;

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ cán bộ Thi hành án dân sự trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù;

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 11/3/2025)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- TAND huyện Nam Sách;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CQHSSNV - Công an tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến